

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX
CÔNG TY CỔ PHẦN NEDI2

Số: 618 /2017/CV-TCHC
V/v: Công bố BCTC quý 3/2017 và giải trình chênh
lệch lợi nhuận sau thuế quý 3/2017 so với quý
3/2016

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----oOo-----
Lào Cai, ngày 13 tháng 10 năm 2017

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
 2. Mã chứng khoán: ND2
 3. Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 64B đường Phan Đình Phùng, phường Phố Mới, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam.
 4. Điện thoại: 0203 501 540 Fax: 0203 906 661
 5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Ứng Hồng Vận Tổng Giám đốc Công ty người đại diện theo Pháp Luật.
 6. Nội dung công bố thông tin:
 - 6.1. Công bố thông tin Báo cáo tài chính quý 3 năm 2017 kết thúc ngày 30/09/2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC kèm theo.
 - 6.2. Công bố thông tin về văn bản giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế quý 3/2017 so với lợi nhuận sau thuế quý 3/2016 kèm theo.
 7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ Báo cáo tài chính quý 3/2017 của Công ty và văn bản giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế quý 3/2017 so với lợi nhuận sau thuế quý 3/2016 tại đường dẫn <http://nedi2.com.vn> của Công ty.
- Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCHC, thư ký.

Người đại diện theo Pháp luật *Uh*



TỔNG GIÁM ĐỐC
Ứng Hồng Vận

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thông tin về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện
Miền Bắc 2

Báo cáo tài chính
ngày 30 tháng 09 năm 2017

Lào Cai, ngày 12 tháng 10 năm 2017



Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

**Giấy chứng nhận đăng ký
kinh doanh số**

1203000019

ngày 6 tháng 5 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh 9 lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5300215527 ngày 8 tháng 9 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Điệp
Ông Ứng Hồng Vận
Ông Nguyễn Hữu Ngọc
Ông Nguyễn Thành Phương

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Ứng Hồng Vận
Ông Nguyễn Hải Đăng
Ông Trần Vĩnh Hào

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Số 64B, Đường Phan Đình Phùng
Phường Phố Mới, Thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 09 năm 2017

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014 TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/09/2017 VND	01/01/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		122.000.134.739	149.725.831.359
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	30.203.497.167	36.850.758.156
Tiền	111		10.203.497.167	808.521.700
Các khoản tương đương tiền	112		20.000.000.000	36.042.236.456
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	65.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	65.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		70.430.494.155	29.262.113.825
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	43.570.053.566	14.574.897.129
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.204.485.415	3.207.090.458
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	22.655.955.174	11.480.126.238
Hàng tồn kho	140	8	21.330.989.440	18.352.458.685
Hàng tồn kho	141		21.330.989.440 ✓	18.352.458.685
Tài sản ngắn hạn khác	150		35.153.977	260.500.693
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	215.020.671
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		35.153.977	45.480.022
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 260)	200		1.779.401.519.539	1.859.039.312.522
Tài sản cố định	220		1.762.522.903.868	1.842.510.667.439
Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.762.522.903.868	1.842.510.667.439
Nguyên giá	222		1.954.676.505.909	1.981.111.832.210
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(192.153.602.041)	(138.601.164.771)
Tài sản cố định thuê tài chính	227		-	-
Nguyên giá	228		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		4.502.388.294	4.797.657.322
Xây dựng cơ bản dở dang	242	10	4.502.388.294	4.797.657.322
Tài sản dài hạn khác	260		12.376.227.377	11.730.987.761
Chi phí trả trước dài hạn	261		12.376.227.377	11.730.987.761
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.901.401.654.278	2.008.765.143.881

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 09 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/09/2017 VND	01/01/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.357.806.921.615	1.520.230.012.525
Nợ ngắn hạn	310		78.955.854.242	186.786.945.152
Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	3.425.081.212	9.137.996.517
Thuế phải nộp Nhà nước	313	12	9.546.073.020	4.655.365.319
Phải trả người lao động	314		1.029.317.196	9.003.417.061
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	1.895.128.673	12.949.891.057
Phải trả ngắn hạn khác	319	14(a)	5.256.445.095	7.241.106.251
Vay ngắn hạn	320	15(a)	56.888.000.000	142.728.291.256
Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		915.809.046	1.070.877.691
Nợ dài hạn	330		1.278.851.067.373	1.333.443.067.373
Phải trả dài hạn khác	337	14(b)	21.000.000	21.000.000
Vay dài hạn	338	15(b)	1.278.830.067.373	1.333.422.067.373
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		543.594.732.663	488.535.131.356
Vốn chủ sở hữu	410	16	543.594.732.663	488.535.131.356
Vốn cổ phần	411		415.296.507.633	415.296.507.633
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		415.296.507.633	415.296.507.633
Thặng dư vốn cổ phần	412		10.642.450.000	10.642.450.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		117.655.775.030	62.596.173.723
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		37.939.820.383	24.837.625.468
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		79.715.954.647	37.758.548.255
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.901.401.654.278	2.008.765.143.881

Người lập:


 Nguyễn Thị Hiếu
 Kế toán tổng hợp


 Đinh Tuấn Anh
 Kế toán trưởng



Người duyệt:


 Ứng Hồng Vận
 Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Báo kết quả kinh doanh kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

Mẫu B 02a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	01		150.281.315.948	121.853.085.262	306.346.577.288	290.162.623.333
Giá vốn hàng bán	11		41.727.732.421	39.480.600.007	107.049.805.824	98.028.796.962
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		108.553.583.527	82.372.485.255	199.296.771.464	192.133.826.371
Doanh thu hoạt động tài chính	21		227.577.559	1.286.764.359	1.011.092.440	1.671.503.099
Chi phí tài chính	22	17	33.619.088.103	39.051.617.642	100.009.397.323	117.172.630.159
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		33.600.564.795	38.969.536.024	99.353.158.028	107.995.069.951
Chi phí bán hàng	25		-	97.157.999	-	97.157.999
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	18	6.463.762.179	7.961.563.366	15.028.168.838	17.528.530.959
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		68.698.310.804	36.548.910.607	85.270.297.743	59.007.010.353
Thu nhập khác	31		-	112.178.991	321.864.296	179.487.301
Chi phí khác	32		3.988.670.009	90.771.888	5.876.207.392	91.062.700
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(3.988.670.009)	21.407.103	(5.554.343.096)	88.424.601
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		64.709.640.795	36.570.317.710	79.715.954.647	59.095.434.954
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		64.709.640.795	36.570.317.710	79.715.954.647	59.095.434.954
Lãi trên cổ phiếu			-	-	-	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-	-	-

Người lập:


 Nguyễn Thị Hiếu
 Kế toán tổng hợp


 Đinh Tuấn Anh
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Ung Hồng Vận
 Tổng Giám đốc



Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp– tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ chín tháng kết thúc ngày 30/09/2017 VND	30/09/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		79.715.954.647	59.095.434.954
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		53.552.437.270	121.188.376.624
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(125.284.968)
Lỗ/(lãi) từ hoạt động đầu tư	05		2.423.547.448	(1.671.503.099)
Chi phí lãi vay	06		99.353.158.028	107.995.069.951
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		235.045.097.393	286.482.093.462
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(21.996.577.497)	(22.948.425.126)
Biến động hàng tồn kho	10		(2.978.530.755)	(19.253.444.067)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		5.085.174.587	(40.563.753.332)
Biến động chi phí trả trước	12		(645.239.616)	11.815.191.593
Tiền lãi vay đã trả	13		(110.422.920.412)	(108.007.107.887)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(4.046.596.605)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		100.040.407.095	107.524.554.643
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21		(5.786.179.203)	(107.354.019.627)
Tiền thu hồi các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24		65.000.000.000	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.023.820.755	1.671.503.099
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		60.237.641.552	(105.682.516.528)

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp- tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ chín tháng kết thúc ngày 30/09/2017 VND	30/09/2016 VND
Tiền thu từ đi vay	33		48.241.150.132	37.676.744.984
Tiền trả nợ gốc vay	34		(188.673.441.388)	(38.058.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(26.493.018.380)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(166.925.309.636)	(381.255.016)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(6.647.260.989)	1.460.783.099
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	5	36.850.758.156	71.538.546.625
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	5	30.203.497.167	72.999.329.724

Người lập:


Nguyễn Thị Hiếu
Kế toán tổng hợp


Đinh Tuấn Anh
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Ứng Hồng Vận
Tổng Giám đốc



Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 (“NEDI2”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- đầu tư xây dựng vận hành các dự án thủy điện tại tỉnh Lào Cai và các tỉnh miền Bắc;
- mua bán vật liệu xây dựng;
- tư vấn thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường, cấp thoát nước, thủy điện, điện, thủy lợi;
- nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, điện, bưu chính viễn thông, thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu, cống, các công trình kỹ thuật, hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, cấp, thoát nước, lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, điện lạnh và trang trí nội thất;
- đầu tư kinh doanh bất động sản, nhà ở và văn phòng cho thuê;
- kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí;
- sản xuất và mua bán, xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị, phục vụ xây dựng; và
- khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng: đá, cát, sỏi.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Các đặc điểm hoạt động có ảnh hưởng lớn đến báo cáo tài chính

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015, dự án công trình thủy điện Ngòi Phát chính thức đi vào hoạt động.

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017, Công ty có 98 nhân viên.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”) cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Công ty và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh báo cáo tài chính sau đây:

- Ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái (Thuyết minh số 4(a)); và
- Lãi trên cổ phiếu (Thuyết minh số 4(m)).

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn góp tại ngày góp vốn.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với vàng tiền tệ: dùng giá mua vàng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, hoặc trong trường hợp không có giá mua của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì áp dụng giá mua vàng của đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả: dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trừ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh liên quan đến hoạt động xây dựng cơ bản để hình thành tài sản cố định và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ trong giai đoạn trước hoạt động của Công ty, thì được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi Công ty bắt đầu hoạt động. Khi Công ty bắt đầu hoạt động và tài sản cố định hoàn thành đưa vào sử dụng, các khoản lãi hoặc lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái thuần có liên quan được kết chuyển vào Tài khoản Doanh thu chưa thực hiện hoặc vào Tài khoản Chi phí trả trước dài hạn. Các khoản lãi hoặc lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái thuần này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ công trình thủy điện	35 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ máy móc và thiết bị	20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không có thời hạn nên không phải trích khấu hao.

(f) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(g) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là các chi phí đã trả của các hạng mục công trình chưa đủ điều kiện quyết toán.

(h) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(i) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông:

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(j) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ báo gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(k) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu từ bán điện

Doanh thu được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và doanh thu có thể đo lường được. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu từ việc bán điện được xác định và tính toán dựa trên Hợp đồng Mua bán Điện giữa Công ty và Công ty Mua bán Điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Doanh thu chỉ bao gồm tiền bán điện do Nhà máy thủy điện Ngòi Phát sản xuất ra. Doanh thu được ghi nhận mỗi tháng một lần.

Tiền bán điện được tính toán dựa trên biểu giá được xác định từ trước nhân với sản lượng điện Công ty sản xuất được.

(ii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(l) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(m) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi, nếu có. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(n) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/09/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt	572.598.434	17.726.245
Tiền gửi ngân hàng	9.630.898.733	790.795.455
Các khoản tương đương tiền	20.000.000.000	36.042.236.456
	30.203.497.167	36.850.758.156

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 30 tháng 09 năm 2017 là khoản phải thu từ Công ty Mua bán Điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

7. Phải thu ngắn hạn khác

	30/09/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu người lao động	83.340.000	860.001
Tạm ứng	3.417.647.145	3.297.617.899
Phải thu khác	19.154.968.029	8.181.648.338
	22.655.955.174	11.480.126.238

8. Hàng tồn kho

	30/09/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	1.136.441.340	-	962.835.652	-
Công cụ và dụng cụ	20.194.548.100	-	17.389.623.033	-
	21.330.989.440	-	18.352.458.685	-

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Công trình thủy điện VND	Thiết bị văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	1.413.062.238.000	102.550.958	562.814.111.934	5.132.931.318	1.981.111.832.210
Tăng trong kỳ	-	-	-	1.100.972.727	1.100.972.727
Giảm do quyết toán công trình (*)	(27.536.299.028)	-	-	-	(27.536.299.028)
Số dư cuối kỳ	1.385.525.938.972	102.550.958	562.814.111.934	6.233.904.045	1.954.676.505.909
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	80.494.048.887	75.175.959	56.509.042.504	1.522.897.421	138.601.164.771
Khấu hao trong kỳ	31.728.989.567	9.125.000	21.202.641.288	611.681.415	53.552.437.270
Số dư cuối kỳ	112.223.038.454	84.300.959	77.711.683.792	2.134.578.836	192.153.602.041
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	1.332.568.189.113	27.374.999	506.305.069.430	3.610.033.897	1.842.510.667.439
Số dư cuối kỳ	1.273.302.900.518	18.249.999	485.102.428.142	4.099.325.209	1.762.522.903.868

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017, toàn bộ tài sản cố định hữu hình được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

10. Xây dựng cơ bản dở dang

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang bao gồm:

	30/09/2017 VND	01/01/2017 VND
Công trình Thủy điện Ngòi Phát	-	1.533.107.301
Công trình Khu đô thị thương mại Thủy Hòa	-	2.391.822.749
Dự án Ngòi Phát mở rộng	4.502.388.294	181.818.182
Dự án suối Chăn	-	690.909.090
	4.502.388.294	4.797.657.322

11. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	30/09/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Vimenco	-	-	1.407.300.566	1.407.300.566
Công ty TNHH tư nhân Andritz Hydro	2.078.650.878	2.078.650.878	758.747.815	758.747.815
Công ty TNHH Xây dựng và lắp đặt thủy điện tỉnh Triết Giang	-	-	100.653.672	100.653.672
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	-	-	875.218.692	875.218.692
Các nhà cung cấp khác	1.346.430.334	1.346.430.334	5.996.075.772	5.996.075.772
	3.425.081.212	3.425.081.212	9.137.996.517	9.137.996.517

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	01/01/2017 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/Khấu trừ trong kỳ VND	30/09/2017 VND
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.663.371.928	27.737.624.376	25.317.705.683	5.083.290.621
- Thuế TNDN	-	-	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	89.863.554	1.902.277.710	1.946.396.465	45.744.799
- Thuế tài nguyên	1.174.105.644	26.270.853.254	23.027.921.298	4.417.037.600
- Các loại thuế khác	728.024.193	-	728.024.193	-
Cộng	4.655.365.319	55.910.755.340	51.020.047.639	9.546.073.020

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/09/2017 VND	01/01/2017 VND
Lãi vay phải trả	1.880.128.673	12.949.891.057
Chi phí khác	15.000.000	-
	1.895.128.673	12.949.891.057

14. Các khoản phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/09/2017 VND	01/01/2017 VND
Kinh phí công đoàn	191.743.102	91.954.194
Bảo hiểm xã hội	107.419.668	-
Bảo hiểm y tế	18.956.412	-
Bảo hiểm thất nghiệp	8.425.072	-
Các khoản phải trả khác	4.929.900.841	7.149.152.057
	5.256.445.095	7.241.106.251

(b) Phải trả dài hạn khác

	30/09/2017 VND	01/01/2017 VND
Các khoản phải trả dài hạn khác	21.000.000	21.000.000

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2017		Biến động trong kỳ		30/9/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	53.544.291.256	53.544.291.256	48.241.150.132	(101.785.441.388)	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	89.184.000.000	89.184.000.000	54.592.000.000	(86.888.000.000)	56.888.000.000	56.888.000.000
	142.728.291.256	142.728.291.256	102.833.150.132	(188.673.441.388)	56.888.000.000	56.888.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/9/2017 VND	1/1/2017 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh SGD 1	VND	8%	-	53.544.291.256
			-	53.544.291.256

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	30/9/2017 VND	1/1/2017 VND
Vay dài hạn	1.335.718.067.373	1.422.606.067.373
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(56.888.000.000)	(89.184.000.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	1.278.830.067.373	1.333.422.067.373

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/9/2017 VND	1/1/2017 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	10,5%	2027	1.052.545.012.521	1.075.751.972.373
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	VND	6,9-11,4%	2020	283.173.054.852	346.854.095.000
				1.335.718.067.373	1.422.606.067.373
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(56.888.000.000)	(89.184.000.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				1.278.830.067.373	1.333.422.067.373

Các tài sản đảm bảo của các khoản vay dài hạn là toàn bộ dự án công trình thủy điện Ngòi Phát, bao gồm quyền sử dụng đất, kê cả nhà máy, cùng với các tòa nhà, công trình xây dựng và mọi bất động sản khác được xây dựng, nâng cấp và gắn liền hay tọa lạc vĩnh viễn tại dự án hay trên khu đất trong thời điểm hiện tại và tương lai; toàn bộ máy móc thiết bị (trong phạm vi tối đa được các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan cho phép) và các động sản liên quan đến hoặc thuộc về dự án (cho dù đang có hay sẽ hình thành trong tương lai) của Công ty theo hợp đồng thế chấp với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Việt Nam được chia tương ứng theo tỷ lệ vốn vay từ các ngân hàng này.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

16. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2016	415.296.507.633	10.642.450.000	69.527.646.485	495.466.604.118
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	59.095.434.954	59.095.434.954
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(3.160.370.254)	(3.160.370.254)
Cổ tức	-	-	(41.529.650.763)	(41.529.650.763)
Số dư tại ngày 30 tháng 09 năm 2016	415.296.507.633	10.642.450.000	83.933.060.422	509.872.018.055
Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2017	415.296.507.633	10.642.450.000	62.596.173.723	488.535.131.356
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	79.715.954.647	79.715.954.647
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(3.891.527.960)	(3.891.527.960)
Cổ tức	-	-	(20.764.825.380)	(20.764.825.380)
Số dư tại ngày 30 tháng 09 năm 2017	415.296.507.633	10.642.450.000	117.655.775.030	543.594.732.663

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

17. Chi phí tài chính

	30/09/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí lãi vay	99.353.158.028	144.085.379.535
Chi phí tài chính khác	656.239.295	8.290.984.343
	100.009.397.323	152.376.363.878

18. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	30/09/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí nhân công	7.501.011.086	19.321.035.880
Chi phí nguyên vật liệu	228.248.160	-
Chi phí đồ dùng văn phòng phẩm	70.729.380	664.671.267
Chi phí khấu hao	303.493.201	899.371.684
Chi phí thuế, phí và lệ phí	161.512.680	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	255.340.206	5.406.096.041
Chi phí khác	6.507.834.125	8.757.922.084
	15.028.168.838	35.049.096.956

Người lập:


 Nguyễn Thị Hiếu
 Kế toán tổng hợp


 Đinh Tuấn Anh
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



 Ứng Hồng Vận
 Tổng Giám đốc

Số: 617 /2017/CV-TCKH
V/v Giải trình chênh lệch lợi nhuận
sau thuế quý 3/2017 so với quý 3/2016.

-----oOo-----
Lào Cai, ngày 13 tháng 10 năm 2017

GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH LỢI NHUẬN SAUTHUẾ

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 mã chứng khoán ND2 trân trọng gửi tới Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước và Quý Sở lời chào trân trọng nhất.

Căn cứ thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Căn cứ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 3 năm 2017 kết thúc ngày 30/09/2017 của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2. Trong đó, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp quý 3 năm 2017 so với lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp quý 3 năm 2016 có sự thay đổi từ 10% trở lên, Công ty chúng tôi xin giải trình như sau:

Quý 3 năm 2017 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp là: 64.709.640.795 đồng; Quý 3 năm 2016 là: 36.570.317.710 đồng, Lợi nhuận quý 3 năm 2017 tăng so với lợi nhuận quý 3 năm 2016 là: **28.139.323.085 đồng** tương đương tăng **76,95%**

Nguyên nhân tăng do:

Là doanh nghiệp sản xuất điện (thủy điện) doanh thu sản xuất điện hoàn toàn phụ thuộc vào thủy văn theo mùa. Lợi nhuận quý 3/2017 tăng 28.139.323.085 đồng so với lợi nhuận quý 3/2016 nguyên nhân tăng do:

1. Thủy văn quý 3/2017 mưa đều, sản lượng điện quý 3/2017 tăng so với sản lượng điện quý 3/2016 tương đương tăng doanh thu bán hàng 28.428.230.686 tỷ đồng.
2. Chi phí lãi vay quý 3/2017 là: 33.600.564.795 đồng; chi phí lãi vay quý 3/2016 là: 38.969.536.024 đồng. Chi phí lãi vay quý 3/2017 giảm so với chi phí lãi vay quý 3/2016 là: 5.368.971.229 đồng. Nguyên nhân là doanh nghiệp đã trả nợ gốc vay hàng kỳ tương ứng giảm chi phí lãi vay phải trả hàng kỳ.

Hai nguyên chủ yếu trên đã làm cho lợi nhuận sau thuế quý 3/2017 tăng so với lợi nhuận sau thuế quý 3/2016 tương ứng tăng 76,95%

Trên đây là nội dung giải trình về kết quả hoạt động kinh doanh quý 3/2017 tăng so với kết quả hoạt động kinh doanh quý 3/2016 của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCHC, TCKT.

Người đại diện theo Pháp luật 



TỔNG GIÁM ĐỐC
Ung Hồng Văn